

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 04 - 9 - 2020.

V/v tranh chấp “ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Hòa;
2. Bà Phạm Thị Như Sứy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 75/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp “ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 79/TB-TA ngày 28/8/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1989.

2. *Bị đơn:* Anh Võ Văn D, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Thôn PPĐ, xã QM, huyện QS, tỉnh Quảng Nam.

Chị V xin xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/4/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Phú Thọ (nay là xã Quế Mỹ), huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 05/4/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được 05 năm, do cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn nên đã sống ly thân 03 năm nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 01 cháu tên là Võ Ngọc Tường V, sinh ngày 29/12/2014. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cháu V đang ở với chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh D nhưng anh vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị V.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh D cư trú tại thôn PPĐ, xã QM, huyện QS, tỉnh Quảng Nam; chị V yêu cầu ly hôn và nuôi con nên quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp về “*ly hôn, nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, chị V có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh D tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Phú Thọ (nay là xã Quế Mỹ), huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 05/4/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị V và anh D chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân theo chị V trình bày là do vợ chồng có mâu thuẫn nên chỉ sống chung được 05

năm và đã ly thân 03 năm nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh D vắng mặt, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị V với anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V.

[3]. Về con chung: Chị V yêu cầu được nuôi con. Anh D không gửi văn bản ghi ý kiến về việc nuôi con. Cháu V đang ở với chị V. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử: Giao cháu V cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Chị V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích V về tranh chấp "*ly hôn, nuôi con*".

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích V và anh Võ Văn D.

2. Về con chung: Có 01 cháu tên là Võ Ngọc Tường V, sinh ngày 29/12/2014. Giao cháu V cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích V phải chịu là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000 đồng mà chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001514 ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04 - 9 - 2020), đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - TAND tỉnh Quảng Nam
 - VKSND huyện Quế Sơn;
 - Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
 - UBND xã Quế Mỹ, huyện Quế Sơn
- (Giấy CNKH số 26 ngày 05/4/2012);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ